

NHỮNG KHÓ KHĂN TRẦN TRỞ TRONG VIỆC GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI NĂM THỨ NHẤT TẠI KHOA LỊCH SỬ - ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

LẠI BÍCH NGỌC*

Đành rằng công việc giảng dạy Bộ môn Lịch sử Thế giới cho sinh viên bốn khối chuyên khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Hà Nội không phải là việc đơn giản, dễ dàng, nhưng có thể khẳng định rằng việc giảng dạy cho năm thứ nhất là khó khăn, phức tạp hơn cả. Có thể đây không chỉ là một nét đặc trưng riêng của Khoa Lịch sử mà còn là vấn đề chung cho tất cả các bộ môn, đặc biệt là các bộ môn Khoa học xã hội.

Những khó khăn, trần trở của chúng tôi xuất phát từ hai vấn đề:

- Cấu trúc chương trình giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất.
- Mặt bằng kiến thức cơ bản phổ thông của sinh viên năm thứ nhất.

1. Về cấu trúc chương trình

Lịch sử Thế giới là một trong hai bộ môn trọng tâm (Lịch sử Thế giới và Lịch sử Việt Nam) dành cho sinh viên chuyên khoa Lịch sử trong suốt 4 năm học. Riêng năm thứ nhất chương trình Lịch sử Thế giới gồm các học phần: Công xã nguyên thủy, Cổ đại phương Đông và phương Tây, Cổ đại và

phong kiến Trung Quốc, Nhật Bản và cuối cùng là Cổ đại và phong kiến Ấn Độ, Đông - Nam Á. Lịch sử Thế giới Cận đại dành cho năm thứ hai và hiện đại dành cho năm thứ ba. Các chuyên đề dành cho năm thứ tư. Như vậy là chương trình Lịch sử Thế giới Cổ - Kim - Đông - Tây có 5 học phần, thì riêng năm thứ nhất học 3 học phần đầu: Tức là Công xã nguyên thủy, Cổ đại và Trung đại. Song song với các học phần thông sử Cổ - Trung đại trên đây, sinh viên năm thứ nhất Khoa Lịch sử còn phải học Lịch sử văn minh thế giới từ cổ chí kim. Có nghĩa là lịch sử văn minh nhân loại qua các thời kỳ Cổ đại, Trung đại, Cận và Hiện đại. Ngoài ra, sinh viên năm thứ nhất ở một số khoa khác của trường như: Khoa Tiểu học, Khoa Giáo dục Chính trị, Khoa Việt Nam học... cũng học Lịch sử đại cương, tức là cả Lịch sử Việt nam và Lịch sử Thế giới từ cổ chí kim (từ 45 đến 60 tiết). Trong đó tất nhiên là có các học phần Công xã nguyên thủy, Lịch sử Thế giới Cổ đại và Trung đại.

Vậy là sinh viên năm thứ nhất chuyên khoa Lịch sử phải tiếp nhận một thông lượng kiến thức khá lớn. Những học phần

* PGS-TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

này ai cũng cho rằng vừa khó vừa hấp dẫn, vì nó rất là "lịch sử". Đây là một mảng kiến thức rất "cũ kỹ", cổ xưa về thời gian, vừa xa lạ mênh mông về không gian. Với những dân tộc, những quốc gia, những khu vực từ tận vùng Đông Nam Phi, quê hương của nhân loại, đến Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, Rôma, Tây Âu, Ả Rập, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á và châu Mỹ.

Ngoài các học phần Lịch sử Thế giới Cổ - Trung đại và Lịch sử văn minh nhân loại như đã nêu ở trên, sinh viên năm thứ nhất còn phải học Lịch sử Việt Nam Cổ - Trung đại, Khảo cổ học, Sử liệu học, Sử học nhập môn, Tâm lý, Chủ nghĩa Mác - Lênin, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất...

Tóm lại, cả một chương trình khá đồ sộ, một "bầu trời" bao la rộng mở về kiến thức để sinh viên năm thứ nhất mặc sức tìm tòi, học hỏi.

Một vấn đề cần nhấn mạnh trong nội dung các học phần Lịch sử Cổ - Trung đại Thế giới và Lịch sử văn minh nhân loại là nó liên quan chặt chẽ đến tri thức cơ bản phổ thông của nhiều môn học khác, như Văn, Toán, Lý, Hóa, Sinh... Vì lịch sử nhân loại không phải là tổng số những sự kiện biên niên, khô cứng mà là lịch sử của tất cả các lĩnh vực với những thành tựu cụ thể trong mối quan hệ đan xen, hữu cơ, gắn bó, thúc đẩy lẫn nhau giữa các dân tộc, quốc gia, châu lục, khu vực, vừa phức tạp lại vừa phong phú, đa dạng.

Thí dụ, phần Công xã nguyên thủy, sự tiến bộ của công cụ sản xuất ở giai đoạn mặt kỳ được biểu hiện ở chỗ sự tiến bộ của công cụ Đá mới. Sau đó con người còn tìm ra kim loại như đồng, đồng thau và muộn hơn là sắt. Sự xuất hiện công cụ kim loại là yếu tố then chốt làm phát triển sức sản xuất, dẫn đến của cải "dư thừa". Chế độ tư hữu dần nảy sinh, trên cơ sở đó giai cấp và nhà nước dần xuất hiện. Ở đây cần phải

hiểu sâu tính chất vật lý của đồng nguyên chất và đồng thau. Người nguyên thủy đã biết pha đồng với kẽm (hoặc chì) với một tỷ lệ nhất định để tạo nên một hợp chất vừa cứng, vừa rắn lại sắc bén, ưu thế hơn rất nhiều so với công cụ Đá mới và khắc phục được tính mềm, dẻo, dễ gãy của đồng nguyên chất. Về sau, khi sắt xuất hiện thì công cụ sản xuất đã có sự hoàn hảo, ưu việt hơn hẳn so với đồng thau.

Khi học Lịch sử và Văn minh phương Đông, phương Tây Cổ đại, ngoài những kiến thức cơ bản về trạng thái kinh tế, xã hội, chính trị, các học phần trên còn có liên quan đến những kiến thức cơ bản phổ thông về Toán, Lý. Để hiểu sâu sắc tinh hoa của những nền văn minh này, khi nhìn bản vẽ về Kim tự tháp Khêóp trong sách tham khảo hoặc thấy vẽ trên bảng, sinh viên phải "đọc" được: Kim tự tháp này có dạng hình chóp đều, đáy hình vuông. Vì đã biết được chính xác chu vi đáy và chiều cao nên có thể tính được thể tích của kim tự tháp khổng lồ này. Chỉ khi nắm vững được kiến thức phổ thông này thì sinh viên mới hiểu sâu sắc được rằng người Ai Cập Cổ đại quả là vĩ đại. Cách chúng ta gần 5.000 năm mà họ đã có thể sáng tạo ra một kho tàng đồ sộ về tri thức Toán, Lý, Thiên văn... để làm nên những kiệt tác kỳ diệu mà hậu thế mãi mãi phải kinh ngạc, thán phục.

Khi tìm hiểu về văn hóa, văn minh Hy Lạp, Rôma, vấn đề không chỉ là nhớ tên các nhà bác học và "mang máng" về một số định lý được phát minh ở thời kỳ này, mà còn phải hiểu rõ rằng cách chúng ta khoảng 3.000 năm họ đã tìm ra được mối quan hệ giữa các cạnh trong một tam giác vuông (Định lý Pitago), mối quan hệ giữa những đoạn thẳng được định ra trên những cát tuyến bởi những đường thẳng song song (Định lý Talet).

Muốn hiểu được bản chất sâu xa sự nổi của các vật trên mặt nước hoặc câu nói nổi tiếng: "Hãy cho ta một điểm tựa ta sẽ nâng bổng trái đất lên" thì phải hiểu được ngọn nguồn định luật về sức đẩy của nước và định lý về đòn bẩy của Ácsimét. Quan trọng hơn là phải thấy được giá trị sử dụng phổ biến của các định luật này trong đời sống và trong công cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại.

Trong học phần Lịch sử văn minh nhân loại thời Cận đại có đề cập đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Vấn đề ở đây không chỉ dừng lại ở việc kể ra những phát minh mà quan trọng hơn là phải hiểu then chốt của cuộc cách mạng này là việc phát minh ra máy hơi nước cũng như nguyên tắc hoạt động của nó là chuyển hóa năng lượng từ nhiệt năng thành cơ năng. Nhờ vậy mà các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ từ đó không phải phụ thuộc vào nguồn nước chảy trực tiếp nữa. Cuộc cách mạng cơ khí trong sản xuất và trong giao thông vận tải được đẩy mạnh. Sau này nhà bác học vĩ đại người Nga Lômônôxốp đã nghiên cứu và khái quát thành định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng nổi tiếng. Khi giới thiệu về lịch sử Cổ đại và phong kiến Trung Quốc, văn minh Trung Hoa, ngoài những kiến thức cơ bản về lịch sử Trung Quốc qua các triều đại thì việc hiểu biết sâu, rộng về những thành tựu văn hóa Trung Quốc chiếm một vị trí rất quan trọng. Chẳng hạn những phát minh vĩ đại ở thời kỳ nhà Tống như: thuốc súng, thuật in chữ rời và la bàn. Ở đây điều quan trọng là phải hiểu nguyên tắc chế tạo và ứng dụng của các thành tựu này trong các lĩnh vực văn hóa và mậu dịch hàng hải. Cũng như vậy không thể chỉ là việc nhớ tên các tác giả, tác phẩm văn học sử tiêu biểu trong lịch sử Trung Quốc mà còn phải phân tích được nội dung cơ bản với những giá trị cụ thể và hiện thực của nó.

Mặt khác để có được một thông lượng kiến thức cơ bản, đa dạng, phong phú cả về chiều rộng lẫn bề sâu các học phần lịch sử Thế giới Cổ Trung đại và lịch sử văn minh nhân loại còn cung cấp một hệ thống các thuật ngữ, các khái niệm khoa học, chẳng hạn: Công xã thị tộc, mẫu hệ, phụ quyền, nhà nước thành bang, chế độ chiếm nô gia trưởng, văn minh nông nghiệp lúa nước, nhà nước quân chủ chuyên chế, công cụ cầm, bán cầm, nô lệ, nông nô, lãnh chúa, quý tộc tăng lữ, quý tộc thế tục, cách mạng tư sản tảo kỳ... Mỗi thuật ngữ, mỗi khái niệm trên đây luôn được gắn liền với một vấn đề lịch sử cụ thể của một quốc gia, một dân tộc hay một khu vực ở một thời điểm hay một giai đoạn lịch sử nhất định. Do vậy, thật là sai lầm nếu cho rằng để học tốt môn lịch sử, sinh viên chỉ cần có kiến thức cơ bản về các môn xã hội. Nếu chỉ "nấu sủ, sôi kinh" thì chưa đủ. Đây mới là điều kiện cần. Mặt bằng kiến thức cơ bản phổ thông của các bộ môn khác phải có thì mới là điều kiện đủ.

Mới đây trong một lần nói chuyện về lịch sử văn học Trung Quốc cho sinh viên Khoa Lịch sử trường ĐHSB Hà Nội, Giáo sư Nguyễn Khắc Phi có đưa ra một quan điểm về điều kiện học Sử và Văn mà chúng tôi rất tâm đắc. Giáo sư cho rằng: "Muốn học giỏi môn Lịch sử và Văn học thì phải hiểu biết nhiều các môn khác". Giáo sư có đưa ra một số tên tuổi các học giả làm gương cho chúng tôi. Chẳng hạn Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, một nhà toán học, một kỹ sư cầu đường đồng thời ông cũng là một nhà sử học tài ba. Ông đã từng viết *La Sơn Phu Tử, Lịch sử triết học phương Đông...* Hoặc Nguyễn Khắc Viện, một bác sĩ nổi danh nhưng cũng rất giỏi về Lịch sử. Nhà thơ Cù Huy Cận đã từng là một kỹ sư canh nông và rất giỏi về ngành điện...

2. Về mặt bằng kiến thức phổ thông của sinh viên

Vấn đề này trước hết phải khẳng định rằng mấy năm gần đây, nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước mà chất lượng đầu vào của sinh viên Khoa Lịch sử và của các khoa khác trong trường đã khá hơn rất nhiều. Đó là điều đáng mừng. Tuy vậy, không phải là không còn vấn đề phải bàn thêm. Qua thực tiễn nhiều năm công tác và giảng dạy tại trường chúng tôi thấy:

Tuyệt đại đa số sinh viên vào học Khoa Lịch sử và các khoa khác của trường là ở khu vực 1 và 2. Khu vực 3 rất ít. Theo PGS.TS Nguyễn Văn Bình - Hiệu phó nhà trường thì chỉ chiếm từ 5 đến 10% (trả lời phỏng vấn phóng viên báo *Lao động thủ đô* số 21 ngày 24-5-2005). Ở Khoa Lịch sử có lẽ sinh viên đến từ các đô thị không nhiều, nhiều năm gần đây thường không thấy có sinh viên "gốc" Hà Nội. Có nghĩa là hầu hết sinh viên học ở trường ĐHSP Hà Nội đều đến từ nông thôn và miền núi. Cho đến nay điều kiện học tập cả ở nhà và ở trường của sinh viên các đô thị, nông thôn và miền núi vẫn còn khá chênh lệch. Đối với các bộ môn Khoa học xã hội trước hết là Lịch sử và Văn học thì môi trường sống, học tập, các phương tiện thông tin đại chúng như: tivi, đài, báo chí, internet, phim ảnh... và các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ công cộng luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Vấn đề này thì sinh viên ở khu vực 1 và 2 không thể thuận lợi bằng khu vực 3. Điều này ít nhiều không thể không ảnh hưởng đến mặt bằng kiến thức phổ thông cơ bản để trên cơ sở đó sinh viên có thể tiếp nhận tốt những tri thức mới vừa sâu, vừa rộng ở bậc đại học.

Để vào được Khoa Lịch sử, ở khu vực 1 và 2 thí sinh phải đạt được trên dưới 20 điểm. Một số em đạt giải quốc gia hoặc điểm cao được dự kỳ thi để vào lớp chất

lượng cao, khoảng 20%. Còn lại là lớp đại trà. Nói chung mặt bằng kiến thức phổ thông cơ bản của sinh viên năm thứ nhất (ở Khoa Lịch sử và cả các khoa có học môn lịch sử đại cương) còn nhiều lỗ hổng. Nhiều em không hiểu trái đất quay từ Tây sang Đông là thế nào, không định vị được các châu lục, các đại dương trên bản đồ thế giới và trên quả cầu thì còn lúng túng hơn nhiều. Đa số các em không biết được sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ hoặc sông Hồng và sông Đà ở Việt Nam chảy theo hướng gì. Do vậy, các em sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi xác định các địa danh lịch sử cụ thể hoặc xác định đường đi của các nhà thám hiểm trong các cuộc phát kiến địa lý.

Về Toán, Lý chẳng hạn, đa số các em, kể cả ở lớp chất lượng cao không còn nhớ gì về các định lý của Talet, Pitago, Ácsimét, cách tính diện tích hình tròn, thể tích hình chóp... Thậm chí, có nhiều em không vẽ nổi một hình ngũ diện, ngũ giác. Cũng có những em không giải thích được tại sao ở các giếng khơi người ta lại buộc một vật nặng vào gốc của cần lấy nước còn đầu kia là chiếc gầu. Hoặc không hiểu được nguyên tắc hoạt động của cần trục xây nhà và cần cầu là dựa vào định luật đòn bẩy của Ácsimét. Ngay cả *Truyện Kiều* nổi tiếng của Nguyễn Du rất quen thuộc với mọi lứa tuổi nhưng hầu như các em không xác định được câu truyện này xảy ra dưới triều đại nào ở Trung Quốc. Gần đây sân chơi cho các lứa tuổi ngày càng phong phú, đa dạng. Nhưng đôi khi chúng ta phải ngạc nhiên đến nao lòng. Một sinh viên học trường báo chí đã không "trở thành triệu phú" vì không trả lời được Kim Đồng là tên của ai mà phải "phone" về nhà nhờ sự trợ giúp của bố. Một thanh niên tuổi ngoài 30 đã từng tốt nghiệp một trường đại học nhưng không biết Quang Trung đã từng chiến thắng quân xâm lược nào. Quay vòng lần 2

mới trả lời được là đánh thắng quân Thanh. Một nữ sinh khác đã không “vượt qua thử thách” vì không biết trước khi nhà Lý rời đô ra Thăng Long thì Thăng Long có tên là gì. Gắn dây người xem thực sự ngỡ ngàng khi thấy trong sân chơi “Vượt qua thử thách” cả người chơi và 3 “cố vấn” - họ là đồng nghiệp của nhau, đều không trả lời được một câu hỏi hết sức phổ thông là: “Ngày 16-8-1945 ở Tuyên Quang đã diễn ra một hội nghị quan trọng được mệnh danh là “Hội nghị Diên Hồng”, đó là hội nghị gì?” Đáng tiếc là cả người chơi và 3 “cố vấn”, ở độ tuổi 30 đều có trình độ đại học và đang công tác ở ngành ngoại giao.

Ngoài mặt bằng chung về kiến thức cơ bản phổ thông như đã nêu thì yếu tố tâm lý của sinh viên năm thứ nhất cũng không giống các khối còn lại. Các em từ nông thôn hoặc miền núi mới bước vào trường, lạ thầy, lạ bạn, lạ chưa quen với nếp sống, nếp học mới. Lần đầu tiên sống xa gia đình, mà đa số các em phải ở ngoại trú, có nghĩa là thường xuyên phải tiếp xúc, phải đối mặt với bao điều mới lạ, tốt có, xấu có giữa chốn đô thành. Mặc dù không phải đóng học phí, học giỏi còn được học bổng cao, nhưng một số em vì hoàn cảnh nên vẫn phải tranh thủ tìm thêm việc kiếm sống. Sớm phải xác định cuộc sống tự lập và để học tập được tốt tất cả các bộ môn, sinh viên năm thứ nhất có phần vất vả hơn so với sinh viên các khối trên vì họ đã từng “vượt qua thử thách” này được vài ba năm rồi. Như vậy, không ít áp lực và thách thức đối với sinh viên năm thứ nhất.

Chúng tôi thiết nghĩ có thể những tràn trở trên đây không phải là vấn đề riêng biệt trong việc giảng dạy các học phần lịch sử Thế giới Cổ - Trung đại cho sinh viên năm thứ nhất khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội mà còn là tình trạng chung

trong công tác giảng dạy cho năm thứ nhất của tất cả các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn ở các trường đại học và cao đẳng khác.

Cho nên, việc tìm ra một giải pháp tối ưu để khắc phục hiện trạng này đương nhiên không phải là việc một sớm một chiều và càng không phải chỉ là việc của các khoa ở các trường đại học. Theo chúng tôi nghĩ hiện nay vị trí của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông các cấp có phần vẫn bị coi nhẹ hơn các bộ môn khác, nhất là so với Văn và Toán. Thầy dạy Văn, Toán, Lý, Hóa... dưới con mắt của học sinh thậm chí của cả các bậc phụ huynh vẫn “oai” và quan trọng hơn thầy dạy Sử, Địa. Học sinh giỏi các bộ môn này cũng được tôn vinh, đánh giá cao hơn các bộ môn còn lại. Ở cuối lớp 12, không ít nơi có tình trạng “nghe ngóng” tình hình. Nếu Lịch sử là môn thi tốt nghiệp thì việc giảng dạy bộ môn này sẽ được quan tâm đáng kể. Cả thầy và trò sẽ lo nhiều hơn cho việc dạy và học cho các môn thi tốt nghiệp. Còn nếu không phải là môn thi bắt buộc thì lập tức cả việc dạy và học sẽ bị trễ nải vì phải dành thời gian, công sức cho các bộ môn thi tốt nghiệp. Thực trạng này là một trong những tác nhân làm học sinh sao nhãng với bộ môn Lịch sử. Tâm lý đối phó, qua quýt được hình thành qua các bài thi định kỳ. Kể cả việc thi tốt nghiệp chưa chắc đã phản ánh trung thực, chính xác chất lượng của học sinh về bộ môn này. Kỳ thi vào các trường đại học khối C, năm nào cũng vậy, số thí sinh bị điểm kém từ 0 đến 4 rất nhiều. Riêng kỳ thi vừa qua (năm 2005) có tới 70% số bài thi khối C vào Đại học Sư phạm là điểm dưới trung bình, trong đó số điểm 0 và 0,5 điểm không phải là ít.

Ngay cả nhiều em đạt giải nhất, nhì trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, sau

khi được vào thẳng Khoa Lịch sử rồi, cho kiểm tra lại để vào lớp chất lượng cao vẫn không đạt chuẩn. Và trong suốt hai năm đầu học ở khoa cũng không vượt nổi rào để vào lớp chất lượng cao. Ngược lại một số em đạt điểm cao trong đợt thi tuyển đại học lại có thể vượt rào để vào lớp này.

Thực tiễn này buộc chúng ta phải suy nghĩ, xem xét lại vấn đề chất lượng học tập bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông các cấp.

Một vấn đề khác được đặt ra là có nên có một đội ngũ cố định các chuyên gia cấp Nhà nước chuyên việc bồi dưỡng học sinh giỏi ở các tỉnh, vừa ra để và tham gia chấm thi hay không? Chúng tôi được biết cứ sắp đến mùa thi tuyển quốc gia là các địa phương cấp tỉnh lại lo về Hà Nội mời các chuyên gia về bồi dưỡng cho đội học sinh giỏi đã được tuyển chọn. Thậm chí nếu có điều kiện họ đưa các em lên Hà Nội lo chỗ ăn, ở và mời các chuyên gia đến giảng dạy. Nên chăng phải tách rời 3 khâu: *bồi dưỡng, ra để và chấm thi* không cùng một "chủ thể", có nghĩa là nên có 3 nhóm chuyên gia độc lập và thành phần cũng nên thường xuyên thay đổi để tăng tính khách quan. Trong nội dung đề thi tuyển cũng nên chú ý sao cho cân đối cả kiến thức lịch sử Việt Nam và lịch sử Thế giới. Cũng nên đánh giá cao những bài làm có tính sáng tạo và tư duy logic.

Vấn đề trường chuyên ở phổ thông xưa nay đã có không ít những quan điểm, ý kiến trái ngược nhau. Có ý kiến cho rằng nên duy trì và phát triển hình thức này vì nó giúp cho việc sớm phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài. Ngược lại, có ý kiến cho rằng ở phổ thông các em cần được học đầy đủ những kiến thức cơ bản của tất cả các bộ môn. Có như vậy, các em mới được

trang bị những kiến thức chủ yếu, phổ quát để làm mật bảng cơ sở điều kiện cho việc học tiếp các chuyên khoa ở bậc đại học hoặc các trường trung học chuyên nghiệp. Vì kiến thức cơ bản của các bộ môn luôn có sự hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Trường chuyên thực sự đã có tác dụng đào tạo, phát hiện một số học sinh có năng khiếu về một môn nào đó. Nhưng các môn còn lại các em chỉ biết "loáng thoáng". Chúng tôi tán đồng quan điểm này. Trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay việc duy trì trường chuyên cần xem xét lại.

Còn ở bậc Đại học chúng tôi nghĩ nên chăng có sự điều chỉnh đôi chút về chương trình giữa các khối. Ví như phần Lịch sử Văn minh thế giới có thể dành cho năm thứ 2 hoặc thứ 3. Vì phần này bao gồm cả Văn minh Cổ - Trung đại và Cận - Hiện đại. Sinh viên sẽ học tốt hơn học phần này sau khi đã được học xong các học phần thông sử thế giới Cổ - Trung đại và Cận - Hiện đại. Nhưng ở năm thứ nhất sinh viên mới chỉ được học thông sử phần Cổ - Trung đại, còn các học phần Cận - Hiện đại lại được học ở những năm sau. Vì thế không nên xếp học phần Lịch sử Văn minh thế giới vào chương trình năm thứ nhất.

Để kết thúc vấn đề đã nêu trên, chúng tôi xin được phép dẫn lời của Giáo sư Vũ Dương Ninh trong bài: "Giảng dạy Lịch sử Thế giới trong tiến trình hội nhập quốc tế" đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 2-2005: "Chọn lựa những vấn đề nào để giảng dạy Lịch sử Thế giới là công việc rất khó... Lịch sử Thế giới chỉ là một trong nhiều môn học nên tự nó không thể giải quyết được hết các vấn đề mà phải phối hợp với nhiều bộ môn khác là điều không thể thiếu".